

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN TỊNH**

Số: /TB-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sơn Tịnh, ngày tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng đợt 6 năm 2026

Kính gửi: Các Trưởng thôn xã Sơn Tịnh

Căn cứ Quyết định số 1424/QĐ-BDD ngày 30/7/2026 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng đợt 6 năm 2026;

Căn cứ tổng hợp nhu cầu vốn tín dụng chính sách tại các thôn.

Ủy ban nhân dân xã thông báo điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2026 của các thôn trên địa bàn xã theo danh mục đính kèm.

Đề nghị các Trưởng thôn căn cứ Thông báo này để chỉ đạo các Tổ Tiết kiệm và vay vốn trong thôn tổ chức bình xét cho vay và lập hồ sơ vay vốn theo quy định của NHCSXH. Việc bình xét cho vay phải đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng và có sự tham gia giám sát của Trưởng thôn, đại diện lãnh đạo của tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác.

Trên đây là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2026 được Ủy ban nhân dân xã Sơn Tịnh phê duyệt, đề nghị ông (bà) Trưởng thôn và các tổ chức, cá nhân nghiêm túc thực hiện./.

CHỦ TỊCH

Nơi Nhận:

- Như trên;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã (bc);
- PGD NHCSXH Sơn Tịnh;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- UBMTTQVN xã và các tổ chức thành viên (phối hợp);
- Các Phòng VH-XH, Kinh tế xã;
- CVP, PVP
- Lưu VT.

Đặng Xuân Trung

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 09 năm 2026 của UBND xã Sơn Tịnh)

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	NGUỒN VỐN TRƯỞNG ƯƠNG							
		Cho vay hộ cận nghèo		Cho vay cấp NS&VSMT nông thôn		Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn theo QĐ 157		Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc nguồn vốn huy động	
		Tăng(+), giảm(-)	Chỉ tiêu thực hiện sau điều chỉnh	Tăng(+), giảm(-)	Chỉ tiêu thực hiện sau điều chỉnh	Tăng(+), giảm(-)	Chỉ tiêu thực hiện sau điều chỉnh	Tăng(+), giảm(-)	Chỉ tiêu thực hiện sau điều chỉnh
I	Xã Sơn Tịnh	-628,0	37.717,7	628,0	50.897,4	1.150,0	11.234,4	-1.718,9	29.498,6
1	Bình Bắc	-22,5	9.432,0	200,0	4.756,5	40,0	797,4	-100,0	2.611,1
2	Bình Đông	-94,5	8.619,0	100,0	3.192,1	80,0	599,0	-118,9	2.586,1
3	Bình Nam	-76,0	7.175,8	100,0	4.703,6	100,0	667,5	-200,0	3.722,0
4	Ngân Hà	-5,0	477,0	-393,8	3.334,9	80,0	490,5	-100,0	1.715,0
5	Hà Trung	-46,0	531,0	90,0	2.092,8	80,0	727,0	-100,0	947,0
6	Lâm Lộc Bắc	-45,0	656,0	150,8	2.249,1	80,0	173,7	-100,0	1.014,0
7	Lâm Lộc Nam	-40,0	255,0	-13,4	2.351,7	80,0	937,0	-100,0	800,0
8	Hà Nhai Nam	-38,0	1.350,0	55,7	1.615,3	80,0	782,6	-100,0	678,0
9	Hà Nhai Bắc	-	467,0	-45,0	2.956,0	40,0	429,0	-100,0	1.197,0
10	Thọ Lộc Đông	-6,0	423,0	86,0	2.123,8	100,0	128,0	-100,0	744,9
11	Thọ Lộc Bắc	0,0	200,0	77,6	999,8	80,0	962,1	-100,0	290,0
12	Thọ Lộc Tây	-10,0	791,0	-60,1	3.917,0	80,0	1.402,3	-100,0	1.682,5
13	Trường Xuân	-7,0	589,8	-47,0	2.782,3	70,0	908,0	-100,0	1.196,0
14	Diên Niên	-77,0	1.585,3	100,0	2.680,4	40,0	312,0	-100,0	1.928,8
15	Phước Lộc	-152,0	2.761,0	127,2	5.749,5	40,0	936,0	-100,0	3.859,9
16	Lộc Thọ	-9,0	2.404,8	100,0	5.392,6	80,0	982,3	-100,0	4.526,3